

Số: **2504/SNN-CCTS**

Tuyên Quang, ngày **29** tháng 10 năm 2015

V/v hướng dẫn thực hiện các quy định về
đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ
môi trường trong nuôi trồng thủy sản

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BNNPTNT, ngày 10/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện nuôi trồng thủy sản; Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT, ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ;

Để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong nuôi trồng thủy sản và bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân nuôi cá lồng/bè trên sông, hồ; nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ; nuôi cá theo tiêu chuẩn VietGAP, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hướng dẫn các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh thực hiện có hiệu quả các nội dung như sau:

1. Đối với nuôi cá lồng/bè trên sông, hồ

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản bằng lồng/bè trên sông, hồ thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về cơ sở nuôi cá lồng/bè nước ngọt - Điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường theo các quy định của Thông tư (có Thông tư số 16/2015/TT-BNNPTNT, ngày 10/4/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kèm theo).

1.1- Điều kiện đặt lồng bè

- Vị trí đặt lồng/bè phải nằm trong vùng quy hoạch để phát triển nuôi trồng thủy sản hoặc phải được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền; không bị ảnh hưởng bởi lũ, phương tiện giao thông thủy, mực nước không bị thay đổi đột ngột, không có dòng xoáy và không bị ảnh hưởng của các nguồn gây ô nhiễm; chọn nơi có dòng nước chảy thẳng, lưu tốc 0,2 - 0,5 mét/giây. Nếu nuôi hồ chứa phải lựa chọn nơi có dòng chảy, không nuôi cá lồng/bè trong eo, ngách.

- Đáy lồng/bè cách đáy sông/hồ ít nhất 0,5m vào lúc mức nước thấp nhất.

- Trường hợp đặt lồng/bè thành từng cụm: Các cụm lồng/bè khi đặt song song phải cách nhau tối thiểu 10m; khi đặt so le, nối tiếp cách nhau tối thiểu 200m.

- Mật độ lồng/bè ở khu vực nước chảy chiếm tối đa 0,2% diện tích mặt nước lúc mức nước thấp nhất; khu vực nước tĩnh chiếm tối đa 0,05% diện tích mặt nước lúc mức nước thấp nhất.

1.2- Quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm trong kỹ thuật nuôi

a) Chuẩn bị lồng/bè nuôi

Lồng/bè nuôi phải được vệ sinh, khử trùng trước và sau khi nuôi theo quy trình kỹ thuật với từng đối tượng thủy sản.

b) Quy định về cá giống

- Cá giống phải có nguồn gốc rõ ràng, được mua từ các cơ sở có kiểm soát chất lượng cá bố mẹ, cá giống và quá trình sản xuất.

- Cá giống phải khỏe mạnh; được cơ quan có thẩm quyền kiểm dịch.

- Thả giống đúng lịch mùa vụ, mật độ, kích cỡ theo quy định.

c) Thức ăn để nuôi cá

- Sử dụng thức ăn công nghiệp được phép lưu hành tại Việt Nam; không sử dụng thức ăn đã hết hạn sử dụng.

- Thức ăn tự chế biến: Có đủ thành phần dinh dưỡng; nguyên liệu để chế biến không có *Salmonella*, nấm mốc độc (*Aspergillus flavus*), độc tố aflatoxin B1; không chứa kháng sinh, hóa chất cấm sử dụng trong nuôi trồng thủy sản.

d) Phòng trị bệnh, sử dụng thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học và chất xử lý cải tạo môi trường

- Trong quá trình nuôi phải thường xuyên vệ sinh lưới để lưới luôn được thông thoáng, sạch sẽ; hàng ngày theo dõi môi trường nước và hoạt động của cá. Nếu thấy môi trường nước xấu, cá kém ăn hoặc xuất hiện bệnh phải có biện pháp xử lý kịp thời; không di chuyển cá từ lồng/bè này sang lồng/bè khác khi đang có bệnh xảy ra.

- Chỉ sử dụng thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học và chất xử lý cải tạo môi trường dùng cho nuôi trồng thủy sản và được phép lưu hành tại Việt Nam, còn hạn sử dụng.

- Khi sử dụng thuốc kháng sinh phải xác định rõ tác nhân gây bệnh, sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cán bộ chuyên môn.

- Cơ sở nuôi phải ghi chép việc sử dụng thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học và chất xử lý cải tạo môi trường (ghi rõ ngày, loại, liều lượng, cách sử dụng).

e) Thu hoạch cá

- Phải tuân thủ quy định của theo hướng dẫn của nhà sản xuất về thời gian ngừng sử dụng thuốc, hóa chất trước khi thu hoạch cá.

- Cơ sở phải chấp hành thông báo dừng thu hoạch của cơ quan kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm trong trường hợp các chỉ tiêu vi sinh, hóa học trong sản phẩm nuôi vượt quá giới hạn cho phép.

1.3- Công trình phụ trợ

- Khu ăn, nghỉ, sinh hoạt phải sạch sẽ, không ảnh hưởng đến hoạt động nuôi.

- Kho chứa thức ăn, nguyên liệu làm thức ăn phải có mái che, thông thoáng, không ẩm ướt, ngăn được côn trùng và động vật gây hại. Khu chứa xăng, dầu được bố trí riêng biệt với kho chứa thức ăn, nguyên liệu làm thức ăn. Khu vực chứa dụng cụ, thiết bị phải gọn gàng không ảnh hưởng đến hoạt động nuôi.

- Khu chế biến thức ăn cho cá phải ở vị trí riêng biệt. Thiết bị, dụng cụ chế biến thức ăn phải được bố trí, lắp đặt để dễ kiểm tra, dễ làm vệ sinh và khử trùng.

- Nhà vệ sinh: Bố trí nhà vệ sinh phù hợp với số lượng lao động trên lồng/bè (ít nhất 01 nhà vệ sinh cho 25 người), kín và tự hoại, đảm bảo không có mối nguy làm ô nhiễm môi trường và khu vực nuôi.

1.4- Xử lý rác thải

Rác thải phải được thu gom, xử lý đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng xấu đến nguồn nước. Không xả rác, thức ăn ôi thiu xuống khu vực lồng/bè và môi trường xung quanh.

1.5- Ghi chép và lưu giữ hồ sơ

- Cơ sở phải theo dõi, ghi chép các thông tin có liên quan trong quá trình nuôi.

- Lập và lưu giữ hồ sơ liên quan bao gồm: giấy chứng nhận quyền sử dụng mặt nước/quyết định giao mặt nước/hợp đồng cho thuê mặt nước/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; hồ sơ mua giống và kiểm dịch khi mua giống bao gồm xuất xứ, số lượng và chất lượng giống; hồ sơ theo dõi quá trình nuôi; phiếu mua thuốc, hóa chất; tình trạng sức khỏe và các biện pháp kiểm soát bệnh; các biên bản kiểm tra của cơ quan quản lý (nếu có); các thông tin của sản phẩm khi bán.

- Hồ sơ phải được lưu giữ tối thiểu là 2 năm.

1.6- Các quy định khác của Quy chuẩn

Thực hiện theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia cơ sở nuôi cá lồng/bè nước ngọt - Điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

2. Đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ

Căn cứ các quy định của Thông tư 51/2014/TT-BNNPTNT, ngày 27/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và phương thức quản lý đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ, đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn hướng dẫn các tổ chức, cá nhân nuôi trồng thủy sản nhỏ lẻ thực hiện tốt các nội dung sau:

- Đảm bảo các điều kiện về địa điểm, nguồn nước để nuôi trồng thủy sản an toàn thực phẩm.

- Sử dụng giống thủy sản khỏe mạnh, có nguồn gốc rõ ràng, được cung cấp bởi các cơ sở sản xuất giống có uy tín.

- Thức ăn dùng cho nuôi trồng thủy sản đảm bảo không gây hại cho thủy sản nuôi và người sử dụng sản phẩm thủy sản. *Không sử dụng chất thải của động vật và của con người để nuôi thủy sản.*

- Thuốc thú y, hóa chất, chế phẩm sinh học, chất xử lý cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản phải theo hướng dẫn sử dụng ghi trên bao bì, tài liệu hướng dẫn sử dụng hoặc hướng dẫn sử dụng của cán bộ kỹ thuật nuôi trồng thủy sản, cán bộ khuyến nông.

- Nước ao nuôi phải được xử lý trước khi xả thải ra môi trường xung quanh nếu thủy sản bị bệnh trong quá trình nuôi. Bùn thải từ ao nuôi phải được thu gom, xử lý không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Thủy sản nuôi khi thu hoạch phải được bảo quản, vận chuyển bằng thiết bị, dụng cụ phù hợp, bảo đảm không gây độc hại, không gây ô nhiễm cho thực phẩm.

- Người nuôi trồng thủy sản được phổ biến, hướng dẫn về thực hành sản xuất thực phẩm an toàn.

- Duy trì các điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm và cung cấp được thông tin liên quan đến việc mua bán sản phẩm.

3. Đối với nuôi cá ao, hồ nhỏ theo tiêu chuẩn VietGAP

Thực hiện nuôi trồng thủy sản theo VietGAP đã được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn tại Công văn số 1337/SNN-CCTS, ngày 26/6/2015 về việc hướng dẫn thực hiện nuôi trồng thủy sản tốt VietGAP.

4. Đối với cơ sở sản xuất giống thủy sản

Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các Cơ sở sản xuất giống thủy sản trên địa bàn thực hiện đúng Quy chuẩn quy định về điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất giống thủy sản ban hành tại Thông tư số 82/2009/TT-BNNPTNT Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất Thủy sản, trong đó thực hiện tốt các nội dung sau:

4.1- Nguồn nước và chất lượng nước

- Nguồn nước: Sử dụng nước máy, nước ngầm, nước giếng, nước sông suối tự nhiên hoặc từ hệ thống thủy nông, có độ muối < 5‰.

- Chất lượng nước: Đảm bảo theo yêu cầu quy định chất lượng nước để sản xuất giống theo quy chuẩn (có quy định cụ thể gửi kèm theo tại Bảng 1).

4.2- Hệ thống công trình, trang thiết bị phục vụ sinh sản

- Hệ thống xử lý nước cấp như ao chứa, ao lắng, hệ thống lọc nước và hệ thống bể đẻ, bể ương nuôi ấu trùng và nuôi thức ăn phải đảm bảo diện tích thích hợp, phù hợp với quy trình sản xuất giống của từng đối tượng.

- Trang thiết bị, dụng cụ sử dụng cho cơ sở sản xuất phải được làm bằng vật liệu không gỉ, không độc, tiện lợi, bảo đảm vệ sinh và chuyên dụng.

- Hệ thống nhà xưởng, các loại bể, trang thiết bị và dụng cụ trực tiếp phục vụ sản xuất phải được vệ sinh, khử trùng định kỳ hoặc sau mỗi lần sử dụng để đảm bảo vệ sinh thú y thủy sản. Dụng cụ sản xuất sau khi được vệ sinh khử trùng phải được phơi khô và để nơi khô ráo.

4.3- Nước thải, chất thải và hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải của các cơ sở sản xuất giống thủy sản trước khi thải ra môi trường bên ngoài phải được xử lý đạt TCVN 6986:2001 và các quy định hiện hành.

- Nước thải sinh hoạt phải được xử lý theo quy định đạt TCVN 6772:2000.

- Các chất thải rắn và chất hữu cơ trong sản xuất và sinh hoạt phải được thu gom, phân loại trong các thùng chứa đảm bảo an toàn, đặt ở vị trí quy định, thuận tiện cho các hoạt động, không gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng xấu đến nguồn nước.

- Bể xử lý nước thải phải có nắp đậy và đặt cách xa khu sản xuất hoặc nguồn nước ngầm để tránh lây nhiễm chéo.

- Hệ thống đường ống dẫn nước thải đến nơi xử lý phải kín, có độ dốc nhất định, thoát nước tốt, dễ làm vệ sinh, không gây mùi khó chịu và ô nhiễm môi trường.

- Hệ thống bể xử lý và cống thoát nước thải được thiết kế phù hợp với công suất hoạt động của các cơ sở sản xuất.

4.4- Kho nguyên vật liệu

- Kho nguyên vật liệu trong cơ sở sản xuất phải được thiết kế ở vị trí thích hợp, có các khu vực riêng biệt. Khu vực chứa đựng hóa chất, thuốc phòng trị bệnh phải đảm bảo kín, khu vực để thức ăn, phân bón phải thông thoáng, ngăn được côn trùng và động vật gây hại xâm nhập, tránh lây nhiễm.

- Kệ để nguyên vật liệu trong kho phải cao cách mặt đất tối thiểu 0,3m.

4.5- Thuốc phòng trị bệnh, chế phẩm sinh học, hóa chất và thức ăn

- Thuốc phòng trị bệnh, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất sử dụng trong sản xuất giống phải có trong danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam.

- Thức ăn sử dụng phải đảm bảo chất lượng và đạt tiêu chuẩn vệ sinh thú y thủy sản.

- Cơ sở sản xuất giống thủy sản phải thực hiện các biện pháp phòng bệnh, chữa bệnh, chống dịch bệnh theo quy định hiện hành.

- Cơ sở sản xuất giống thủy sản phải xây dựng nội quy, biện pháp bảo đảm điều kiện vệ sinh thú y cho cơ sở.

4.6- Chất lượng bố mẹ và con giống thủy sản

- Thủy sản bố mẹ để sản xuất giống phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, đảm bảo chất lượng theo quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống thủy sản.

- Con giống của cơ sở sản xuất giống thủy sản trước khi lưu thông phải được kiểm dịch và ghi nhãn hàng hóa theo Quy chế quản lý sản xuất, kinh doanh giống thủy sản.

4.7- Các quy định khác của Quy chuẩn

Thực hiện theo Quy chuẩn 02 - 15:2009/BNNPTNT ban hành kèm theo Thông tư số 82/2009/TT-BNNPTNT, ngày 25/12/2009.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các huyện, thành phố có văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

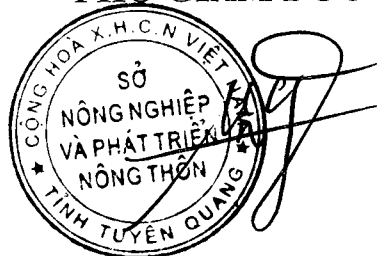
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả./.

Nơi nhận: *hwa*

- Như kính gửi (Phối hợp, hướng dẫn);
- Giám đốc Sở (Báo cáo);
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Phòng NN và PTNT các huyện;
- Phòng Kinh tế thành phố;
- Trung tâm Thủy sản;
- Trang thông tin điện tử của Sở;
- Lưu: VT, CCTS.

t/h;

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Mạnh Cường

PHỤ LỤC

Bảng 1: Chất lượng nước ngọt để sản xuất giồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức chỉ tiêu
1	Độ muối	‰	< 0,5
2	pH		6,5 - 8,0
3	Độ trong	cm	≥ 30
4	Độ cứng (CaCO ₃)	mg/l	≤ 500
5	Hàm lượng oxy hòa tan	mg/l	≥ 5
6	Hàm lượng NH ₃ trong điều kiện: pH = 6,5 và t ⁰ C = 20 ⁰ C pH = 8,0 và t ⁰ C = 20 ⁰ C	mg/l	≤ 1,49 ≤ 0,93
7	Hàm lượng sắt Fe(OH) ₂ , Fe ₂ (OH) ₃ tổng số	mg/l	≤ 0,5
8	Hàm lượng nitrat	mg/l	≤ 50
9	Hàm lượng thủy ngân	mg/l	≤ 0,002
10	Tổng số Coliforms	MPN/100ml	≤ 20
11	Nguyên sinh động vật và ký sinh trùng gây bệnh	Cá thể	Không có
12	Vi khuẩn yếm khí	Cá thể/ml	≤ 10

Số: *16* /2015/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày *10* tháng *4* năm 2015

THÔNG TƯ

Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này 01 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản:

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Cơ sở nuôi cá lồng/bè nước ngọt - Điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

Ký hiệu: **QCVN 02 - 22: 2015/BNNPTNT.**

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày *10* tháng *10* năm 2015

Điều 3. Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để Bộ nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- BT Cao Đức Phát (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các Tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Sở NN và PTNT các Tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Các Cục, Vụ, Viện, Trường Đại học thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Lưu VT, TCTS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
PHỤ TRƯỞNG**



Vũ Văn Tám



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 02-22:2015/BNNPTNT

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
CƠ SỞ NUÔI CÁ LỒNG/BÈ NƯỚC NGỌT- ĐIỀU KIỆN
ĐẢM BẢO AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
*National technical regulation on freshwater fish cage culture -
conditions for food safety and environmental protection*

HÀ NỘI - 2015

1

Lời nói đầu:

QCVN 02-22:2015/BNNPTNT do Tổng cục Thủy sản biên soạn, Viện Khoa học Công nghệ và Môi trường trình duyệt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành theo Thông tư số 16 /2015/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 7 năm 2015.



QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
CƠ SỞ NUÔI CÁ LỒNG/BÈ NƯỚC NGỌT - ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO
AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
*National technical regulation on freshwater fish cage culture-
 conditions for food safety and environmental protection*

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chuẩn này quy định những điều kiện để đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường đối với cơ sở nuôi cá lồng/bè nước ngọt.

1.2. Đối tượng áp dụng: Quy chuẩn này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến lĩnh vực nuôi cá lồng/bè nước ngọt trên phạm vi cả nước.

1.3. Giải thích từ ngữ: Trong Quy chuẩn này, từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Cơ sở nuôi cá lồng/bè nước ngọt là nơi diễn ra hoạt động nuôi cá lồng/bè do cá nhân hoặc tổ chức làm chủ.

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Điều kiện đặt lồng/bè

2.1.1. Vị trí đặt lồng/bè phải nằm trong vùng quy hoạch để phát triển nuôi trồng thủy sản hoặc phải được sự cho phép của cơ quan có thẩm quyền; không bị ảnh hưởng bởi lũ, phương tiện giao thông thủy; mực nước không bị thay đổi đột ngột, không có dòng xoáy và không bị ảnh hưởng của các nguồn gây ô nhiễm; chọn nơi có dòng nước chảy thẳng, lưu tốc 0,2-0,5 mét/giây (m/s). Nếu nuôi hồ chứa phải lựa chọn nơi có dòng chảy, không nuôi cá lồng/bè trong eo, ngách.

2.1.2. Đáy lồng/bè phải cách đáy sông/hồ ít nhất 0,5 m vào lúc mức nước thấp nhất.

2.1.3. Trường hợp đặt lồng/bè thành từng cụm: các cụm lồng/bè khi đặt song song phải cách nhau tối thiểu 10m; khi đặt so le, nối tiếp cách nhau tối thiểu 200m.

2.1.4. Mật độ lồng/bè ở khu vực nước chảy chiếm tối đa 0,2% diện tích mặt nước lúc mức nước thấp nhất; khu vực nước tĩnh chiếm tối đa 0,05% diện tích mặt nước lúc mức nước thấp nhất.

2.2. Chất lượng nước nơi đặt lồng/bè

Chất lượng nước nơi đặt lồng/bè nuôi cá đảm bảo quy định tại Bảng 1.

Bảng 1. Chất lượng nước nơi đặt lồng/bè

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn
1	pH		6,5-8,5
2	Ôxy hòa tan (DO)	mg/l	≥4
3	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	< 1
4	Độ trong	cm	≥ 30
5	Độ kiềm	mg CaCO ₃ /l	60-180

2.3. Vật liệu làm lồng/bè và thiết bị, dụng cụ trong quá trình nuôi

2.3.1. Lồng/bè được làm bằng vật liệu chắc chắn, bền, có khả năng chống chịu với môi trường nước, sóng, gió và chất khử trùng tiêu độc.

2.3.2. Dụng cụ, thiết bị sử dụng trong quá trình nuôi phải đảm bảo không gây tổn hại cho đối tượng nuôi, dễ làm vệ sinh tiêu độc, khử trùng.

2.3.3. Động cơ và thiết bị máy móc sử dụng phải đảm bảo không rò rỉ xăng, dầu vào nguồn nước.

2.4. Công trình phụ trợ

2.4.1. Khu ăn, nghỉ, sinh hoạt phải sạch sẽ, không ảnh hưởng đến hoạt động nuôi.

2.4.2. Kho chứa thức ăn, nguyên liệu làm thức ăn phải có mái che, thông thoáng, không ẩm ướt, ngăn được côn trùng và động vật gây hại. Khu chứa xăng, dầu được bố trí riêng biệt với kho chứa thức ăn, nguyên liệu làm thức ăn. Khu vực chứa dụng cụ, thiết bị phải gọn gàng không ảnh hưởng đến hoạt động nuôi.

2.4.3. Khu chế biến thức ăn cho cá phải ở vị trí riêng biệt. Thiết bị, dụng cụ chế biến thức ăn phải được bố trí, lắp đặt để dễ kiểm tra, dễ làm vệ sinh và khử trùng.

2.4.4. Nhà vệ sinh: bố trí nhà vệ sinh phù hợp với số lượng lao động trên lồng/bè (ít nhất 01 nhà vệ sinh cho 25 người), kín và tự hoại, đảm bảo không có mối nguy làm ô nhiễm môi trường và khu vực nuôi.

2.5. Quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm trong kỹ thuật nuôi

2.5.1. Chuẩn bị lồng/bè nuôi

Lồng/bè nuôi phải được vệ sinh, khử trùng trước và sau khi nuôi theo quy trình kỹ thuật với từng đối tượng thủy sản.

2.5.2. Quy định về cá giống

2.5.2.1 Cá giống có nguồn gốc rõ ràng, phải được mua từ các cơ sở có kiểm soát chất lượng cá bố mẹ, cá giống và quá trình sản xuất giống.

2.5.2.2. Cá giống phải khỏe mạnh; được cơ quan có thẩm quyền kiểm dịch.

2.5.2.3. Thả giống đúng lịch mùa vụ, mật độ, kích cỡ theo quy định của cơ quan quản lý thủy sản địa phương.

2.5.3. Thức ăn để nuôi cá

2.5.3.1. Sử dụng thức ăn công nghiệp được phép lưu hành tại Việt Nam; không sử dụng thức ăn đã hết hạn sử dụng.

2.5.3.2. Thức ăn tự chế biến: có đủ thành phần dinh dưỡng; nguyên liệu để chế biến không có *Salmonella*, nấm mốc độc (*Aspergillus flavus*), độc tố aflatoxin B1; không chứa kháng sinh, hóa chất cấm sử dụng trong nuôi trồng thủy sản.

2.5.4. Phòng trị bệnh, sử dụng thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học và chất xử lý cải tạo môi trường

2.5.4.1. Trong quá trình nuôi phải thường xuyên vệ sinh lưới để lưới luôn được thông thoáng, sạch sẽ; hàng ngày theo dõi môi trường nước và hoạt động của cá. Nếu thấy môi trường nước xấu, cá kém ăn hoặc xuất hiện bệnh phải có biện pháp xử lý kịp thời; không di chuyển cá từ lồng/bè này sang lồng/bè khác khi đang có bệnh xảy ra.

2.5.4.2. Chỉ sử dụng thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học và chất xử lý cải tạo môi trường dùng cho nuôi trồng thủy sản và được phép lưu hành tại Việt Nam, còn hạn sử dụng.

2.5.4.3. Khi sử dụng thuốc kháng sinh phải xác định rõ tác nhân gây bệnh, sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất hoặc cán bộ chuyên môn.

2.5.4.4. Cơ sở nuôi phải ghi chép việc sử dụng thuốc, hóa chất, chế phẩm sinh học và chất xử lý cải tạo môi trường (ghi rõ ngày, loại, liều lượng, cách sử dụng).

2.5.5. Thu hoạch cá

2.5.5.1. Phải tuân thủ quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc theo hướng dẫn của nhà sản xuất về thời gian ngừng sử dụng thuốc, hóa chất trước khi thu hoạch cá.

2.5.5.2. Cơ sở phải chấp hành thông báo dừng thu hoạch của cơ quan kiểm tra chất lượng an toàn thực phẩm trong trường hợp các chỉ tiêu vi sinh, hóa học trong sản phẩm nuôi vượt quá giới hạn cho phép. ¶

2.6. Bảo hộ lao động

2.6.1. Người làm việc tại cơ sở phải được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động theo quy định, có hiểu biết về chuyên môn, kỹ thuật trong lĩnh vực hoạt động.

2.6.2. Cơ sở phải trang bị đầy đủ các thiết bị cứu sinh (phao tròn, phao áo).

2.7. Xử lý rác thải

Rác thải phải được thu gom, xử lý đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng xấu đến nguồn nước. Không xả rác, thức ăn ôi thiu xuống khu vực lồng/bè và môi trường xung quanh.

2.8. Ghi chép và lưu giữ hồ sơ

2.8.1. Cơ sở phải theo dõi, ghi chép các thông tin liên quan trong quá trình nuôi.

2.8.2. Lập và lưu giữ hồ sơ liên quan bao gồm: giấy chứng nhận quyền sử dụng mặt nước/quyết định giao mặt nước/hợp đồng cho thuê mặt nước/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; hồ sơ mua giống và kiểm dịch khi mua giống bao gồm xuất xứ, số lượng và chất lượng giống; hồ sơ theo dõi quá trình nuôi; phiếu mua thuốc, hóa chất; tình trạng sức khỏe và các biện pháp kiểm soát bệnh; các biên bản kiểm tra của cơ quan quản lý (nếu có); các thông tin của sản phẩm khi bán.

2.8.3. Hồ sơ phải được lưu giữ tối thiểu là 2 năm.

3. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

3.1. Quy chuẩn này là cơ sở cho tổ chức, cá nhân có liên quan đến nuôi cá lồng/bè nước ngọt thực hiện đầu tư xây dựng và phục vụ đăng ký, chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

3.2. Quy chuẩn này là cơ sở để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở nuôi cá lồng/bè nước ngọt.

4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Tổng cục Thủy sản

4.1.1. Tổng cục Thủy sản chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan hướng dẫn, triển khai và tổ chức thực hiện Quy chuẩn này.

4.1.2. Căn cứ vào yêu cầu quản lý tại từng thời điểm, Tổng cục Thủy sản có trách nhiệm kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Quy chuẩn này cho phù hợp thực tế.

4.2. Cơ sở nuôi: Tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn này.